

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2018

V/v: Ly hôn, nuôi con sau ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lưu Danh Sử.

- Ông Tạ Khắc Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 255/2017/TLST- HNGĐ ngày 20/10/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H sinh năm 1992

Trú Tại: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: anh Phạm Ngọc H sinh năm 1989

Trú tại: Thôn Y, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, Nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Ngọc H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào năm 2011. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do không hợp nhau về mọi mặt, bản thân anh H không có trách nhiệm với vợ con, không chịu tu chí làm ăn, hay buông lời chửi bới, có hành vi đánh đập chị, vì vậy đầu năm 2017 chị đã bế con về nhà bố mẹ để chị ở, vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay. Chị xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

*Về con chung: chị xác định vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Phạm Minh H sinh 07/6/2012, hiện cháu đang ở với chị. Ly hôn chị xin nuôi cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án rất nhiều lần Tòa án báo gọi nhưng anh H không lên để tham gia hòa giải. Tại đơn xin xử vắng mặt, anh H trình bày quan điểm đồng ý ly hôn với chị H và đồng ý cho chị H tiếp tục nuôi cháu Phạm Minh H.

Tại đơn xin xử vắng mặt các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm là đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và chị H được quyền nuôi cháu Phạm Minh H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát cho rằng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

*** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Thôn Y, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 BLTTDS 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách tố tụng trong vụ án đầy đủ, chính xác.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 BLTTDS 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của PL TTDS. Thủ tục triệu tập các đương sự là hợp lệ.

- Việc giao nộp tài liệu chứng cứ: thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 BLTTDS năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- Phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: thực hiện đúng quy định tại BLTTDS.

*** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa:**

- Phiên tòa hôm nay diễn ra theo thời gian với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS 2015.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã nhận được đầy đủ các thông báo của Tòa án.

3. Ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị HDXX:

- Áp dụng các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H. Xử cho chị Trần Thị H ly hôn với anh Phạm Ngọc H

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng và giáo dục đối với cháu Phạm Minh H sinh năm 2012 đến khi cháu đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống, anh Phạm Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí ly hôn: chị Trần Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ như sổ hộ khẩu, chứng minh thư, xác nhận của ủy ban nhân dân xã P đều xác nhận anh Phạm Ngọc H là bị đơn cư trú tại Thôn Y, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Vì vậy theo điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án huyện N thụ lý và giải quyết vụ án này là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp và Tòa thu thập được, thấy rằng:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Phạm Ngọc H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, nhưng mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc; đã ly thân kéo dài; cuộc sống chung thực tế không tồn tại. Nay chị H xin được ly hôn là phù hợp căn cứ luật định, nên được chấp nhận.

2. Về con chung: Các đương sự đều xác định có 01 con chung là cháu Phạm Minh H sinh ngày 07/6/2012. Hiện cháu H đang ở với chị H. Xét ý kiến của hai bên đương sự, căn cứ vào điều kiện nuôi dạy và chăm sóc cháu, căn cứ vào quy định của pháp luật cần giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: các đương sự xác định không có nên không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị H phải nộp cả theo quy định. Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 147, 227 và 228, 266, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Phạm Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Minh H sinh ngày 07/6/2012. Hiện cháu H đang ở với chị H cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Án phí ly:

- Án phí hôn sơ thẩm: chị H phải nộp là 300.000^d. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000^d theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000616 ngày 20/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Chị H và anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi gửi:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Hiệp